

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 05-02-2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Duy Cảnh.

2. Bà Lê Thị Ngọc Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 20/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: Số N, đường N, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hữu T – Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S - chi nhánh K. "Có mặt".

- Người bị kiện: Anh Hoàng Hải Đ.

Địa chỉ: Số P, Hẻm T, tổ S, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/06/2013, anh Đ có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.700.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.150.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến thời hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 06/01/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 05/02/2021, anh Đ còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 11.303.125 đồng; Lãi quá hạn: 36.565.852 đồng. Tổng cộng: 47.868.977 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu anh Đ có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên anh Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng S yêu cầu tòa án giải quyết buộc anh Hoàng Hải Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền cho Ngân hàng, tính đến ngày 05/02/2021 là 47.868.977 đồng (Bốn mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/02/2021 cho đến khi ông Đ trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn anh Hoàng Hải Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập và quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ vẫn không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng trong đó người đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn ông Hoàng Hải Đ đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc như vậy ông Hoàng Hải Đ đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Áp dụng Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S: Buộc ông Hoàng Hải Đ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 05/02/2021 là 47.868.977 đồng (trong đó, nợ gốc là 11.303.125 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.565.825 đồng) và tiền lãi với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi anh Hoàng Hải Đ trả hết nợ cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Hải Đ trả nợ tiền gốc và nợ lãi quá hạn theo hợp đồng thế tín dụng đã ký kết ngày 03/06/2013. Bị đơn anh Hoàng Hải Đ có hộ khẩu thường trú tại: Số P, Hẻm T, tổ S, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn anh Hoàng Hải Đ không có yêu cầu phản tố, không có người đại diện tham gia phiên tòa, đã được thông báo và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Hải Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: bảng sao kê thế tín dụng số thẻ, đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 03/06/2013 anh Hoàng Hải Đ đã được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ với hạn mức 10.000.000 đồng. Đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng, nhằm mục đích tiêu dùng của cá nhân.

Xét thấy, Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng, nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân giữa anh Hoàng Hải Đ với Ngân hàng TMCP S ký kết ngày 03/06/2013 là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không vi phạm pháp luật về hình thức và nội dung nên có giá trị pháp lý theo Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự. Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, anh Hoàng Hải Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.700.000 đồng và ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 06/01/2014. Do anh Hoàng Hải Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S đã chấm

dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính từ ngày giao dịch đến ngày xét xử (03/06/2013 đến ngày 05/02/2021), anh Hoàng Hải Đ đã sử dụng số tiền vốn vay: 9.700.000 đồng, các khoản phí và tiền lãi phải chịu là 47.868.977 đồng (trong đó, nợ gốc là 11.303.125 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.565.825 đồng). Ngân hàng đã làm việc, nhắc nhở nhưng đến nay anh Hoàng Hải Đ chưa thanh toán đủ khoản gốc và lãi nên anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự. Anh Đ không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, cố tình dẫu địa chỉ nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S buộc anh Đ phải trả cho ngân hàng số tiền 47.868.977 đồng (trong đó, nợ gốc là 11.303.125 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.565.825 đồng) và phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi xuất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 47.868.977 đồng x 5% = 2.393.448 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6, khoản 1 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc anh Hoàng Hải Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 47.868.977 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là 11.303.125 đồng (*Mười một triệu, ba trăm lẻ ba nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng*), nợ lãi là 36.565.825 đồng (*Ba mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Hoàng Hải Đ phải chịu 2.393.448 (*Hai triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S 1.072.000 đồng (*một triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003836 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/02/2021) đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP. K;
- Chi cục THADS TP. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung